

Q326C067766
(MTTN26009398.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

19/06/2026
Trang/ Page: 1/4

- Tên mẫu : **NƯỚC SẠCH**
Mã số mẫu: HT - 2616
Vị trí lấy mẫu: Trạm Hòa Thắng - Vòi sau xử lý
Thời gian lấy mẫu: 08/06/2026
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp
- Dạng mẫu: lỏng
- Dụng cụ chứa: 3 bình nhựa, túi vô trùng
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 300 mL x 02
- Số lượng mẫu : 01
- Ngày nhận mẫu : 09/06/2026
- Thời gian thử nghiệm : 09/06/2026 - 19/06/2026
- Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH THUẬN**
137 Lê Hồng Phong, Phường Phan Thiết, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phan Thành Trung

Q326C067766
(MTTN26009398.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

19/06/2026

Trang/ Page: 2/4

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.1	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1
7.2	Hàm lượng bari (Ba)	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01
7.3	Hàm lượng cadmi (Cd)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.4	Hàm lượng chì (Pb)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.5	Hàm lượng crom (Cr)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.6	Hàm lượng đồng (Cu)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.7	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃)	mg/L	SMEWW 2340C:2023	12,9	-
7.8	Hàm lượng florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,03
7.9	Hàm lượng kẽm (Zn)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.10	Hàm lượng natri (Na)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	3,93	-
7.11	Hàm lượng nhôm (Al)	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01
7.12	Hàm lượng niken (Ni)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.13	Hàm lượng sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ D:2023	KPH	0,02
7.14	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002
7.15	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540C:2023	36,5	-
7.16	Hàm lượng xyanua tổng (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005
7.17	Hàm lượng carbon tetrachloride	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.18	Hàm lượng vinyl chloride	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07
7.19	Hàm lượng benzen	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C067766
(MTTN26009398.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

19/06/2026

Trang/ Page: 3/4

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.20	Hàm lượng phenol và dẫn xuất phenol	µg/L	TCVN 6216:1996	KPH	0,3
7.21	Hàm lượng molinate	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.22	Hàm lượng 1,2-dibromo-3 chloropropane	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07
7.23	Hàm lượng chlorpyrifos	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,5
7.24	Hàm lượng cyanazine	µg/L	US EPA 536	KPH	0,2
7.25	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy)	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7
7.26	Hàm lượng bromodichloromethane	µg/L	US EPA 8260D	3,0	-
7.27	Hàm lượng bromoform	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7
7.28	Hàm lượng chloroform	µg/L	US EPA 8260D	47,7	-
7.29	Hàm lượng dibromochloromethane	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7
7.30	Hàm lượng acid monochloroacetic	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5
7.31	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02
7.32	Hoạt độ phóng xạ beta tổng	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,2
7.33	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(c)	-
7.34	Staphylococcus aureus	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	< 1 ^(c)	-

Ghi chú:

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam
- US EPA: United States Environmental Protection Agency

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact [Quatest 3](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C067766
(MTTN26009398.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

19/06/2026

Trang/ Page: 4/4

- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử
- (°): Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra.
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C067766
(MTTN26009398.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

19/06/2026
Trang/ Page: 1/4

- Tên mẫu : NƯỚC SẠCH
Mã số mẫu: HT-2617
Vị trí lấy mẫu: Trạm Hoà Thắng - Hộ Trần Văn Long, Thôn Hồng Lâm
Thời gian lấy mẫu: 08/06/2026
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp
- Dạng mẫu: lỏng
- Dụng cụ chứa: 3 bình nhựa, túi vô trùng
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 300 mL x 02
- Số lượng mẫu : 01
- Ngày nhận mẫu : 09/06/2026
- Thời gian thử nghiệm : 09/06/2026 - 19/06/2026
- Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH THUẬN
137 Lê Hồng Phong, Phường Phan Thiết, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C067766
(MTTN26009398.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

19/06/2026

Trang/ Page: 2/4

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.1	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1
7.2	Hàm lượng bari (Ba)	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01
7.3	Hàm lượng cadmi (Cd)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.4	Hàm lượng chì (Pb)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.5	Hàm lượng crom (Cr)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.6	Hàm lượng đồng (Cu)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.7	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃)	mg/L	SMEWW 2340C:2023	15,9	-
7.8	Hàm lượng florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,03
7.9	Hàm lượng kẽm (Zn)	mg/L	US EPA 200.8	0,02	-
7.10	Hàm lượng natri (Na)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	4,78	-
7.11	Hàm lượng nhôm (Al)	mg/L	US EPA 200.8	0,05	-
7.12	Hàm lượng niken (Ni)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.13	Hàm lượng sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ D:2023	KPH	0,02
7.14	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002
7.15	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540C:2023	44,5	-
7.16	Hàm lượng xyanua tổng (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005
7.17	Hàm lượng carbon tetrachloride	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.18	Hàm lượng vinyl chloride	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07
7.19	Hàm lượng benzen	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C067766
 (MTTN26009398.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

19/06/2026

Trang/ Page: 3/4

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.20	Hàm lượng phenol và dẫn xuất phenol	µg/L	TCVN 6216:1996	KPH	0,3
7.21	Hàm lượng molinate	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.22	Hàm lượng 1,2-dibromo-3 chloropropane	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07
7.23	Hàm lượng chlorpyrifos	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,5
7.24	Hàm lượng cyanazine	µg/L	US EPA 536	KPH	0,2
7.25	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy)	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7
7.26	Hàm lượng bromodichloromethane	µg/L	US EPA 8260D	3,3	-
7.27	Hàm lượng bromoform	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7
7.28	Hàm lượng chloroform	µg/L	US EPA 8260D	60,0	-
7.29	Hàm lượng dibromochloromethane	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7
7.30	Hàm lượng acid monochloroacetic	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5
7.31	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02
7.32	Hoạt độ phóng xạ beta tổng	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,2
7.33	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(c)	-
7.34	Staphylococcus aureus	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	< 1 ^(c)	-

Ghi chú:

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam
- US EPA: United States Environmental Protection Agency

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C067766
(MTTN26009398.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

19/06/2026

Trang/ Page: 4/4

- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử
- (°): Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra.
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc

2



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C067766
(MTTN26009398.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

19/06/2026

Trang/ Page: 1/4

- Tên mẫu : **NƯỚC SẠCH**
Mã số mẫu: HT-2618
Vị trí lấy mẫu: Trạm Hoà Thắng - Trục cứu hoả APEC, Xã Hoà Thắng
Thời gian lấy mẫu: 08/06/2026
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp
- Dạng mẫu: lỏng
- Dụng cụ chứa: 3 bình nhựa, túi vô trùng
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 300 mL x 02
- Số lượng mẫu : 01
- Ngày nhận mẫu : 09/06/2026
- Thời gian thử nghiệm : 09/06/2026 - 19/06/2026
- Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH THUẬN**
137 Lê Hồng Phong, Phường Phan Thiết, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phan Thành Trung

Q326C067766
(MTTN26009398.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

19/06/2026

Trang/ Page: 2/4

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.1	Hàm lượng amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1
7.2	Hàm lượng bari (Ba)	mg/L	US EPA 200.8	0,06	-
7.3	Hàm lượng cadmi (Cd)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.4	Hàm lượng chì (Pb)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.5	Hàm lượng crom (Cr)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.6	Hàm lượng đồng (Cu)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.7	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO_3)	mg/L	SMEWW 2340C:2023	12,9	-
7.8	Hàm lượng florua (F^-)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,03
7.9	Hàm lượng kẽm (Zn)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.10	Hàm lượng natri (Na)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	99,1	-
7.11	Hàm lượng nhôm (Al)	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01
7.12	Hàm lượng niken (Ni)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.13	Hàm lượng sunfua (S^{2-})	mg/L	SMEWW 4500 S^{2-} D:2023	KPH	0,02
7.14	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002
7.15	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540C:2023	346	-
7.16	Hàm lượng xyanua tổng (CN^-)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005
7.17	Hàm lượng carbon tetrachloride	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.18	Hàm lượng vinyl chloride	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8260D	KPH	0,07
7.19	Hàm lượng benzen	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8260D	KPH	0,3

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C067766
(MTTN26009398.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

19/06/2026

Trang/ Page: 3/4

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.20	Hàm lượng phenol và dẫn xuất phenol	µg/L	TCVN 6216:1996	KPH	0,3
7.21	Hàm lượng molinate	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.22	Hàm lượng 1,2-dibromo-3 chloropropane	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07
7.23	Hàm lượng chlorpyrifos	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,5
7.24	Hàm lượng cyanazine	µg/L	US EPA 536	KPH	0,2
7.25	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy)	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7
7.26	Hàm lượng bromodichloromethane	µg/L	US EPA 8260D	18,9	-
7.27	Hàm lượng bromoform	µg/L	US EPA 8260D	< 2,0 (LOQ)	0,7
7.28	Hàm lượng chloroform	µg/L	US EPA 8260D	111	-
7.29	Hàm lượng dibromochloromethane	µg/L	US EPA 8260D	4,6	-
7.30	Hàm lượng acid monochloroacetic	µg/L	US EPA 552.3	< 10,0 (LOQ)	5
7.31	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02
7.32	Hoạt độ phóng xạ beta tổng	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,2
7.33	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(c)	-
7.34	Staphylococcus aureus	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	< 1 ^(c)	-

Ghi chú:

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam
- US EPA: United States Environmental Protection Agency

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER



ISO/IEC 17025:2017

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - Email: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: 0 No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam 0 C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, Ho Chi Minh City - 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326C067766
(MTTN26009398.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

19/06/2026
Trang/ Page: 4/4

- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử
- (°): Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra.
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc

2



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.